TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2017/DS-ST
Ngày: 07- 9-2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cầm Văn Nam.
2. Bà Đỗ Thị Hải.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2017, về tranh chấp "*hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Minh Ng**, sinh năm 1984
Địa chỉ cư trú: Xóm 1, thôn 4, xã Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
Địa chỉ liên lạc: Thôn 6, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
(bà Ng có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Cao Thế D**, sinh năm 1958
Và bà **Trần Thị Kim A**, sinh năm 1965
Cùng cư trú: Số nhà 138 (số mới 182), xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (ông D, bà Kim A vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/05/2017, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh Ng trình bày:

Do là chỗ quen biết nên vào ngày 28 tháng 10 năm 2013 bà có cho vợ chồng ông Cao Thế D và bà Trần Thị Kim A vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để làm ăn, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, ông D, bà Kim A hẹn sau 30 ngày sẽ thanh toán đủ số tiền gốc và lãi cho bà. Hết thời hạn trên vợ chồng ông D, bà Kim A không trả cho bà khoản tiền nào, bà có đòi nhiều lần nên đến ngày

31/3/2014 ông D, bà Kim A đã sang nhượng cho bà một diện tích đất 620m^2 tại xã ĐamB'ri, thành phố B với giá 291.600.000đ để cấn trừ số tiền nợ 300.000.000đ. Cùng ngày hai bên đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng QSD đất nói trên và bà đã nhận đất sử dụng, hiện nay đất đã đứng tên bà, số tiền còn nợ lại 8.400.000đ ông D đã viết giấy thanh toán nợ và hẹn sau này sẽ trả. Từ đó cho đến nay bà đã đòi nhiều lần nhưng ông D, bà Kim A vẫn không thanh toán số tiền còn nợ. Nay bà yêu cầu ông D, bà Kim A trả cho bà số tiền còn nợ là 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm ngàn đồng), ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Cao Thế D và bà Trần Thị Kim A trình bày:

Vào ngày 28/10/2013 ông, bà có vay của bà Huỳnh Thị Minh Ng số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng như bà Ng đã trình bày. Hết thời hạn vay nhưng ông, bà chưa có tiền để trả, bà Ng có đòi nên đến ngày 31/3/2014 ông, bà đã thỏa thuận với bà Ng sẽ chuyển nhượng cho bà Ng một diện tích đất 620m^2 của ông, bà tại xã ĐamB'ri, thành phố B với giá 291.600.000đ để cấn trừ số tiền nợ 300.000.000đ. Cùng ngày hai bên đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng QSD đất nói trên, bà Ng đã nhận đất sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất, số tiền còn nợ lại 8.400.000đ ông D đã viết giấy thanh toán nợ và hẹn sau này sẽ trả tiếp. Sau đó bà Ng đã gặp ông, bà đòi số nợ trên thì ông, bà có hẹn sẽ thanh toán hết nhưng do bà Ng nhắn tin nhục mạ ông, bà nên ông, bà chưa trả. Nay bà Ng yêu cầu ông, bà trả số tiền còn nợ 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm ngàn đồng) thì vợ chồng ông, bà đồng ý trả.

Ông Cao Thế D và bà Trần Thị Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Cao Thế D và bà Trần Thị Kim A đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị Minh Ng yêu cầu ông Cao Thế D và bà Trần Thị Kim A trả số tiền vay gốc còn nợ 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm ngàn đồng), không yêu cầu xem xét tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án ông Cao Thế D và bà Trần Thị Kim A thừa nhận ông, bà có vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) của bà Nguyệt và hai bên có thỏa thuận việc cấn trừ nợ bằng hình thức chuyển nhượng QSD đất, nay ông, bà xác nhận còn nợ lại bà Nguyệt số tiền 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm ngàn đồng) là đúng và đồng

ý trả cho bà Ng số tiền này. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 qui định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc ông D, bà Kim A có vay tiền và còn nợ lại bà Ng số tiền 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm ngàn đồng) là có thật.

[3]. Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch buộc ông D, bà Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh Ng. Buộc ông Cao Thế D và bà Trần Thị Kim A trả cho bà Huỳnh Thị Minh Ng 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền vay gốc còn nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Cao Thế D và bà Trần Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 420.000đ (bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

Bà Huỳnh Thị Minh Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0005894 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND TP. B;
+ T.H.A TP. B;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền